

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1390	477	445	468
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1183	352/477 (73,79%)	381/445 (85,62%)	450/468 (96,15%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	184	114/477 (23,9%)	52/445 (11,69%)	18/468 (3,85%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	23	11/477 (2,31%)	12/445 (2,7%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1390	477	445	468
1	Giỏi-Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	334	74/477 (15,51%)	82/445 (18,43%)	178/468 (38,03%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	655	152/477 (31,87%)	251/445 (56,4%)	252/468 (53,85%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	377	230/477 (48,22%)	109/445 (24,49%)	38/468 (8,12%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	13	11/477 (2,31%)	2/445 (0,45%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	11	10/477 (2,1%)	1/445 (0,22%)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1390	477	445	468
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1366	456/477 (95,6%)	442/445 (99,33%)	468/468 (100%)
a	Học sinh giỏi-Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	334	74/477 (15,51%)	82/445 (18,43%)	178/468 (38,03%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	655	152/477 (31,87%)	251/445 (56,4%)	252/468 (53,85%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	52	45/477 (9,43%)	7 (1,57%)	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	24	21/477 (4,4%)	3/445 (0,67%)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	7/45	5/36	2/9	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	<i>Cấp huyện</i>				
2	Cấp tỉnh/thành phố	9			9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	468			468
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	462			462/468 (98,72%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	235			235/462 (50,87%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	705/685	270/207	206/239	229/239
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	20	6	5	9



Đinh Quang Thanh Bình